

# ĐỘNG CƠ VÀ KỸ THUẬT VẬN DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CỦA NHÀ QUẢN LÝ KHI THỰC HIỆN QUẢN TRỊ LỢI NHUẬN Ở CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

MOTIVES AND TECHNIQUES FOR APPLICATION OF ACCOUNTING METHODS OF MANAGERS WHEN IMPLEMENTING FIRST MANAGEMENT IN LISTED ENTERPRISES

Đào Thị Nhung<sup>1\*</sup>, Phạm Thu Huyền<sup>1</sup>

DOI: <https://doi.org/10.57001/huih5804.2023.185>

## TÓM TẮT

Thông tin kế toán từ báo cáo tài chính cho phép nhà đầu tư đánh giá khái quát được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa các quyết định kinh tế phù hợp. Tuy nhiên, mức độ hữu ích của thông tin lại phụ thuộc nhiều vào chất lượng thông tin về lợi nhuận. Bài viết nhằm mục tiêu đưa ra cái nhìn bao quát về động cơ và kỹ thuật chủ yếu vận dụng để thực hiện quản trị lợi nhuận của nhà quản trị trong các doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu đó, nghiên cứu sử dụng kỹ thuật nghiên cứu định tính thông qua tổng quan các tài liệu nghiên cứu trước đó về quản trị lợi nhuận dưới các góc độ về bản chất, động cơ nhà quản lý thường sử dụng và các kỹ thuật kế toán sử dụng để thực hiện quản trị lợi nhuận. Từ đó hỗ trợ cho những người sử dụng thông tin có thể đánh giá và kiểm soát được hành vi quản trị lợi nhuận đưa ra quyết định của họ đối với các doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Quản trị lợi nhuận, động cơ thực hiện, kỹ thuật vận dụng các phương pháp kế toán.

## ABSTRACT

In reality, in today's competitive and challenging economy, businesses that want to survive and develop must prove their performance to investors. Therefore, the information presented in the financial statements provided to the outside is extremely important information. In which, information about profit is the most concerned because it directly affects the decision of information users. In order to ensure the objectives of business operation and development, managers are willing to use their judgments on the financial statements and in the structure of arising economic transactions to change the financial statements, causing misunderstanding about the operating status of the enterprise or influencing the decisions of information users, in order to achieve their own personal interests, it is synonymous with the profit management behavior of managers treatment has occurred. There are many cases of accounting fraud occurring, causing damage to investors, eroding the market's confidence in transparency in the world in general and even in emerging stock markets like Vietnam. private. Therefore, researching to identify the motivations and techniques for applying profit management methods in enterprises is a necessity in the current context. The article aims to give an overview of the main motives and techniques used to perform profit management of managers in enterprises. From this research overview on profit management, it is the basis to be able to have research directions suitable to the current situation in order to support information users in making their decisions for the future with businesses.

**Keywords:** Earning management, Execution engine, techniques of applying accounting methods.

<sup>1</sup>Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

\*Email: [daothinhung@hau.edu.vn](mailto:daothinhung@hau.edu.vn)

Ngày nhận bài: 10/6/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 05/8/2023

Ngày chấp nhận đăng: 15/10/2023

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quản trị lợi nhuận là một chủ đề được các học giả kinh tế quan tâm, hành động này xảy ra khi nhà quản trị sử dụng những xét đoán của mình tác động đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm thay đổi thông tin trên báo cáo tài chính với mục đích gây ra sự hiểu nhầm về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp hoặc tác động đến kết quả các hợp đồng mà chúng dựa vào số liệu báo cáo của kế toán, nhằm đạt được các lợi ích cá nhân của mình thì đồng nghĩa với việc hành vi quản trị lợi nhuận (QTLN) của nhà quản trị đã xảy ra [5]. Thông thường, QTLN thường được gắn với một động cơ nhất định nào đó của nhà quản lý như: tăng tiền thưởng cho cá nhân nhà quản lý, giảm thiểu các chú ý về chính trị, tăng giá cổ phiếu, tránh công ty thua lỗ cũng như lợi nhuận giảm... Mặc dù, có những hành vi QTLN được xem là linh hoạt, nằm trong khuôn khổ chính sách, quy định kế toán và chưa đạt đến mức độ "gian lận kế toán" [2]. Tuy nhiên, các hành vi QTLN dễ dẫn đến việc cung cấp thông tin chưa chính xác, hiểu sai về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cho dù ban đầu, các nhà quản trị khi lựa chọn QTLN vì lợi ích cá nhân hay vì doanh nghiệp, dù xấu hay tốt thì kết quả vẫn có thể dẫn đến những thiệt hại cho bên sử dụng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Bởi đơn giản, nhà quản lý luôn chịu áp lực vô cùng to lớn từ con số kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp sẽ công bố ra thị trường. Những thông tin này khi công bố sẽ tác động to lớn đến nhiều khía cạnh khác của đơn vị như: giá cổ phiếu, khả năng huy động vốn, kế

hoạch phân chia cổ tức, kế hoạch đầu tư... Xét trên khía cạnh tài chính thì có thể nói QTLN là một động cơ thường trực trong tâm trí của các nhà quản lý. Do đó, để đối mặt với những thách thức và cạnh tranh trong hoạt động, các doanh nghiệp sẵn sàng thực hiện hành vi QTLN điều chỉnh kết quả kinh doanh nhằm đạt được các chỉ tiêu về lợi nhuận, về tỷ lệ nợ trong một giai đoạn nhất định nào đó.

Thực tế trên thế giới chứng minh có rất nhiều hành vi QTLN của các doanh nghiệp đã ảnh hưởng rất lớn tới lợi ích của các đối tượng có liên quan đến doanh nghiệp... Có thể dẫn chứng một số ví dụ thiệt hại về những tác động của QTLN với doanh nghiệp trên thế giới như: Vụ bê bối tài chính làm bốc hơi 74 tỷ đô la của cổ đông năm 2001 của Enrol khi CEO của tập đoàn này cố tình che giấu một khoản nợ lớn trên bảng cân đối kế toán; Tập đoàn chuyên sản xuất camera và vật tư y tế Olympus đã công bố báo cáo tài chính chênh lệch đến 100 tỉ yên so với thực tế nhằm che giấu tình hình thua lỗ trong suốt từ những năm 1990 đến năm 2011; Các nhà quản lý của tập đoàn Toshiba đã cố ý làm sai lệch BCTC theo hướng tăng lợi nhuận trong suốt 15 năm gần đây (chỉ tính riêng từ 2008 đến 2015, tập đoàn này đã khai khống doanh thu lên đến 170 tỷ yên tương đương khoảng 1,22 tỷ đô la Mỹ). Những gian lận này chỉ được phát hiện vào năm 2015 khi bản thân tập đoàn này không thể khóa sổ kế toán trong năm tài khóa 2014 mà phải nhờ đến bên thứ ba. Vì thế, nghiên cứu về QTLN luôn là mục tiêu theo đuổi bởi nhiều nhà nghiên cứu cả trên thế giới. Các nghiên cứu tiêu biểu của lĩnh vực này bao gồm: Healy, Wahlen, DeAngelo, Davidson, Dye, Sweeney, Schipper, Watts và Zimmerman, Burgstahler và Dichev, Dechow, Jones... Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu về chủ đề này đều được thực hiện tại các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Đan Mạch, Đức, Canada... những nghiên cứu tại các quốc gia chưa phát triển hoặc đang phát triển còn rất hạn chế. Ở Việt Nam, thị trường chứng khoán Việt Nam với hơn 20 năm đi vào hoạt động trở thành một kênh huy động vốn trực tiếp có hiệu quả. Cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán non trẻ, QTLN vẫn còn là một khái niệm tương đối mới và xa lạ, Tuy nhiên, những sự kiện về bê bối tài chính gần đây của một số công ty như: Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành lỗ gần 1.000 tỷ đồng sau kiểm toán do thiếu hụt kiểm kê hàng tồn kho hay như Công ty cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Hồ Chí Minh có báo cáo tài chính chuyển từ lãi thành lỗ sau kiểm toán của năm tài khóa 2018 (từ lãi 35 tỉ đồng chuyển thành lỗ 35,5 tỉ đồng); Công ty cổ phần Thương mại Hà Tây (từ lãi 26 tỉ đồng thành lỗ hơn 23,7 tỉ đồng)... Những minh chứng này cho thấy tồn tại hành vi QTLN tại các doanh nghiệp ở Việt Nam và cần thiết phải có những nghiên cứu chuyên sâu về động cơ và kỹ thuật của QTLN để giúp các doanh nghiệp hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của QTLN, minh bạch hóa thông tin tài chính hơn. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển đổi số nền kinh tế, cùng với sự phổ biến rộng rãi của công nghệ thông tin, hệ thống văn bản pháp quy còn nhiều thiếu sót, hạn chế... vô hình chung tạo áp lực cho các nhà quản trị trong việc thực hiện QTLN. Do đó, tìm hiểu về

QTLN và nhận diện các động cơ thúc đẩy nhà quản lý, kỹ thuật sử dụng phương pháp kế toán thực sự là một điều cần thiết.

Nghiên cứu này nhằm phân tích rõ bản chất của QTLN và nhận diện các động cơ, kỹ thuật sử dụng các phương pháp kế toán của nhà quản lý khi thực hiện QTLN ở doanh nghiệp niêm yết. Để thực hiện mục tiêu này, nghiên cứu hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

Thứ nhất: Bản chất QTLN là gì?

Thứ hai: Có những động cơ nào khiến các nhà quản trị thực hiện QTLN ở doanh nghiệp

Thứ ba: Có những kỹ thuật vận dụng các phương pháp kế toán nào nhà quản trị sử dụng để thực hiện QTLN ở doanh nghiệp.

Để giải quyết các mục tiêu cụ thể trên, nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua việc tổng quan các tài liệu nghiên cứu về QTLN nhằm khám phá, tìm hiểu các vấn đề cụ thể về QTLN trên các khía cạnh nhận diện bản chất, động cơ của nhà quản lý và các kỹ thuật kế toán sử dụng để thực hiện QTLN.

## 2. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN TRỊ LỢI NHUẬN

Hiện nay, QTLN được coi là một trong những kỹ thuật điều chỉnh lợi nhuận được các nhà quản lý lựa chọn thường xuyên đáp ứng cho nhiều mục đích. Nguyên tắc chung được thừa nhận (GAAPs) cho phép nhà quản trị có thể linh hoạt lựa chọn phương pháp kế toán và ước tính kế toán vô hình chung tạo ra sự thiếu trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó tồn tại hành động điều chỉnh lợi nhuận (QTLN), QTLN được coi là một thuật ngữ mang hàm ý rất rộng. Nó được các nhà quản trị sử dụng với nhiều cách thức, phương pháp khác nhau để đạt được một mục tiêu nhất định nào đó. Vì lý do đó nên các nghiên cứu trên thế giới cũng không có được sự thống nhất trong việc định nghĩa QTLN. Healy và Wahlen [4] thì QTLN "xảy ra khi các nhà quản lý sử dụng việc xét đoán chủ quan trong báo cáo tài chính và trong các giao dịch nội bộ để thay đổi báo cáo tài chính hoặc đánh lừa một số bên liên quan về các hoạt động kinh tế cơ bản của công ty hoặc gây ảnh hưởng đến kết quả của hợp đồng mà nó phụ thuộc vào số liệu báo cáo của kế toán". Theo [2] định nghĩa về QTLN là hành động "có chủ tâm, cần nhắc thận trọng, nhằm lẫn hoặc bỏ sót các sự kiện chính hoặc dữ liệu kế toán, gây hiểu nhầm và khi xem xét với tất cả các thông tin có sẵn sẽ làm cho người đọc thay đổi hoặc sửa đổi phán đoán hoặc quyết định của mình". Như vậy, QTLN thực hiện giúp cho nhà quản lý có thể điều chỉnh lợi nhuận tăng hay giảm tùy thuộc vào động cơ hay áp lực mà học phải đối mặt tại thời điểm thực hiện. Như vậy, lược sử từ các nghiên cứu [2], nhóm tác giả vận dụng theo khái niệm của Ronen và Yarrí [10] về QTLN được hiểu là "Tập hợp các hành động can thiệp có mục đích của nhà quản lý tác động đến các giao dịch nội bộ hoặc thông tin trình bày trên báo cáo tài chính nhằm đạt được một số lợi ích cá nhân hoặc làm gia tăng giá trị thị trường của công ty".

### 3. ĐỘNG CƠ VÀ KỸ THUẬT VẬN DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CỦA NHÀ QUẢN LÝ KHI THỰC HIỆN QUẢN TRỊ LỢI NHUẬN

#### 3.1. Động cơ thực hiện quản trị lợi nhuận trong các doanh nghiệp

Nghiên cứu [10] đưa ra ba nhóm QTLN dựa trên mục tiêu công bố thông tin gồm: Nhóm quản trị lợi nhuận trắng (nhằm gia tăng chất lượng báo cáo tài chính), nhóm quản trị lợi nhuận xám (nhằm gia tăng giá trị của doanh nghiệp hoặc lợi ích của nhà quản trị) và nhóm quản trị lợi nhuận đen (nhằm làm sai lệch hoặc giảm sự minh bạch của báo cáo tài chính). Do vậy, QTLN là một hoạt động mang tính quản trị và vì thế tồn tại động cơ thúc đẩy các nhà quản lý [9]. Healy và Wahlen [4] đưa ra bốn động cơ để nhà quản trị thực hiện QTLN là: động cơ về thị trường vốn, động cơ về hợp đồng, động cơ về việc tuân thủ các quy định của chính phủ và động cơ về kỳ vọng thông tin.

##### 3.1.1. Động cơ về thị trường vốn

Nhà quản trị doanh nghiệp là người nắm rõ thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong khi nhà đầu tư thường ít thông tin hơn. Do vậy, luôn tồn tại sự bất đối xứng giữa nhà quản trị doanh nghiệp với nhà đầu tư. QTLN với động cơ thị trường vốn về bản chất là việc lựa chọn công bố thông tin của công ty ra bên ngoài doanh nghiệp theo hướng tạo nên kỳ vọng tốt đẹp của nhà đầu tư vào tương lai của doanh nghiệp. Thông tin biến động về tăng giá cổ phiếu là thông tin thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư, các nhà phân tích tài chính và các cơ quan giám sát để đánh giá công ty, làm tăng giá trị doanh nghiệp và tạo ra sự thuận lợi khi phát hành thêm cổ phiếu. Với mục tiêu giảm thiểu rủi ro phát hành hành cổ phiếu ra công chúng không thành công với các doanh nghiệp mới phát hành (do các chi phí phát hành chứng khoán cao 8 - 10%), hoặc điều chỉnh lợi nhuận tăng tối đa trong khuôn khổ cho phép của chuẩn mực kế toán để thu hút đầu tư, tăng giá trị thị trường của cổ phiếu. Do đó, các nhà quản trị sẽ cố gắng "xào nấu số liệu" để đạt được lợi ích đầu tư, dẫn tới ảnh hưởng tới giá trị cổ phiếu trên thị trường. Thông thường, một công ty muốn chứng tỏ sự tăng trưởng ổn định trong thu nhập của mình, bằng cách "quản trị lợi nhuận" theo hướng tác động tăng lợi nhuận như vậy, công ty dự định sẽ ngăn chặn sự biến động lớn trong giá cổ phiếu của họ. Thực tiễn cho thấy khi khoảng cách mong đợi của các nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích tài chính được rút ngắn thì sẽ nhận được những phản ứng tích cực đối với giá cổ phiếu, thường là tăng giá cổ phiếu. Hoặc các động cơ của nhà quản trị công ty sử dụng QTLN để tránh sự biến động lớn về giá cổ phiếu của công ty, đặc biệt khi có khoảng cách giữa hiệu quả của công ty với các nhà phân tích cũng như kỳ vọng của nhà đầu tư. Các công ty sẽ cố gắng sử dụng QTLN để giảm lợi nhuận trong những năm có lợi nhuận cao hơn mức trung bình và tăng lợi nhuận trong những năm có lợi nhuận thấp hơn mức trung bình. Lợi nhuận được điều chỉnh tăng mạnh mẽ trong năm phát hành cổ phiếu lần đầu. Healy và Wahlen [4] cho rằng việc sử dụng rộng rãi thông tin kế toán của các nhà đầu tư và các nhà

phân tích tài chính để giúp đánh giá cổ phiếu của công ty có thể tạo ra động lực cho các nhà quản lý thao túng lợi nhuận nhằm cố gắng gây ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn. QTLN tạo ra sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu và giá trị thực sự của doanh nghiệp.

##### 3.1.2. Động cơ về thù lao và lợi tức

Thực tiễn ở các doanh nghiệp niêm yết cho thấy chế độ trả lương, thưởng cho ban điều hành thường xác định theo tỷ lệ với lợi nhuận kế toán. Vì thế, nhà quản trị nói riêng và ban điều hành của công ty nói chung sẽ có xu hướng điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trong kỳ. Bởi, các chế độ đãi ngộ, tỷ lệ thù lao và lợi tức được trả đã được thỏa thuận ban đầu và khó thay đổi. Do đó, muốn tăng lương, thưởng thì chỉ có cách duy nhất đó là điều chỉnh tăng lợi nhuận. Watts và Zimmerman [11] cho rằng hợp đồng đãi ngộ cũng như các khoản vay là động cơ phổ biến nhất cho việc sử dụng QTLN. Các nhà quản lý có thể sử dụng QTLN để tối đa hóa khoản tiền thưởng hoặc tuân thủ các điều khoản thanh khoản và khả năng thanh toán trong hợp đồng cho vay [3].

##### 3.1.3. Động cơ về việc tuân thủ các quy định của chính phủ

Theo [7], chính phủ và thị trường sẽ sử dụng các cơ chế khác nhau để giảm thiểu việc sử dụng QTLN nhằm đạt được các cơ chế khách quan của cơ quan quản lý nhà nước đưa ra như là các chuẩn mực kế toán, kiểm toán cũng như các yêu cầu công bố thông tin từ các doanh nghiệp cho các thị trường tài chính. Ngoài ra vừa giảm thiểu việc QTLN và vừa cải thiện công bố thông tin tài chính cho các bên có liên quan. Chính những quy định này dẫn tới những tác động của ban quản lý hoặc công ty động cơ để thực hiện QTLN. Các cơ chế tăng cường giám sát ngày càng tăng của chính phủ hoặc các cơ quan quản lý có thể dẫn đến những quy định mới có tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của công ty. Các quy định cụ thể, chi tiết hướng dẫn bởi các cơ quan quản lý dẫn tới khả năng công ty có thể phải đối mặt với các cuộc điều tra từ các cơ quan quản lý và chính phủ. Bằng cách tuân thủ các quy định này, các nhà quản lý đã làm giảm nguy cơ phải đối mặt với sự can thiệp của chính phủ hoặc các cơ quan quản lý. Tuy nhiên, các nhà quản lý của công ty hoặc bản thân công ty có thể bắt nguồn từ các quy định hiện hành có thể nắm bắt được việc điều tra của các cơ quan quản lý hoặc để đạt được các lợi ích về thuế [5]. Bên cạnh đó, các ngân hàng hay các tổ chức tín dụng thường căn cứ vào chỉ tiêu lợi nhuận để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trong quá khứ của doanh nghiệp để xem xét xem liệu có nên cấp khoản vay, và mức lãi suất hợp lý cho doanh nghiệp. Do vậy, để đạt được mục tiêu giải ngân cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp, nhà quản trị cần thiết sử dụng QTLN để tô vẽ về tiềm năng hoạt động của doanh nghiệp.

##### 3.1.4. Động cơ về kỳ vọng thông tin của các đối tượng ngoài doanh nghiệp

Lợi nhuận được coi là một trong những thông tin quan trọng trên báo cáo tài chính, là cơ sở để giới đầu tư đánh giá được hiệu suất hoạt động của công ty và xác định giá trị của tài sản. Subramanyam khẳng định các công ty luôn mong

muốn trình bày tình hình tài chính tốt hơn trong báo cáo tài chính hoặc trong các bảng công bố thông tin tài chính [8]. Bởi vì các nhà quản lý cố gắng bằng cách này để báo hiệu sự tin tưởng của họ trong lợi nhuận của công ty cho các cổ đông và những đối tượng khác sử dụng báo cáo tài chính hoặc các công bố thông tin tài chính của công ty. Động cơ cung cấp thông tin kỳ vọng về doanh nghiệp ạo ra khả năng cho các nhà quản lý hoặc các công ty những lựa chọn nhất định để tổng hợp các báo cáo tài chính nhằm cung cấp thông tin tài chính mà qua đó sẽ truyền tải một tín hiệu nhất định về công ty. Các nhà quản lý công ty sẽ cố gắng bằng cách sử dụng QTLN để tác động đến các bên liên quan nhằm tạo nên kỳ vọng tốt về tình hình hoạt động của công ty. Ngoài ra, các nhà quản trị sẽ cố gắng thao túng lợi nhuận theo hướng đi lên để nó vượt trội hơn các công ty khác nhằm loan báo với thị trường rằng họ tốt hơn các đối thủ cạnh tranh. Bằng cách đó, công ty và quản lý của công ty sẽ nhận được rất nhiều sự quan tâm tích cực từ các bên liên quan. Mặt khác, trong một thị trường đi xuống với nhiều dự báo tiêu cực và khi thu nhập thất vọng, ban lãnh đạo có động cơ để khiến mọi thứ trở nên tối tệ hơn. Bởi vì các bên liên quan và các chuyên gia phân tích sẽ cho rằng công ty sẽ báo cáo thu nhập đáng thất vọng. Khi đó, thu nhập trong tương lai của các nhà quản lý có thể tăng lên, ví dụ như tiền thưởng sẽ cao hơn cho nhà quản lý khi “vực dậy” công ty ở những năm tài chính tiếp theo.

### 3.2. Kỹ thuật sử dụng các phương pháp kế toán để thực hiện quản trị lợi nhuận của nhà quản trị

Trong chế độ kế toán hiện hành tồn tại một số khoảng trống, từ đó để đạt được các mục tiêu cá nhân và gia tăng giá trị doanh nghiệp, nhà quản trị sẽ sử dụng để thực hiện hành vi QTLN. Có nhiều nghiên cứu và gọi tên các kỹ thuật nhà quản lý thực hiện QTLN với nhiều tên gọi và phân loại theo các tiêu thức khác nhau. Trong phạm vi bài báo này, nhóm tác giả tổng hợp các kỹ thuật nhà quản trị thực hiện QTLN thông qua việc vận dụng các phương pháp kế toán có thể phân nhánh thành 5 nhóm kỹ thuật sau đây:

#### 3.2.1. Kỹ thuật bình ổn lợi nhuận

Việc “bình ổn lợi nhuận” như là: “sự cố tình làm giảm các biến động của các mức lợi nhuận mà trong đó nó được coi là bình thường đối với công ty”. Hay nói cách khác, các nhà quản lý sử dụng kỹ thuật “bình ổn lợi nhuận” để làm giảm sự biến động trong thu nhập được báo cáo để thể hiện một hình ảnh ổn định về lợi nhuận được báo cáo của họ. Kỹ thuật “bình ổn lợi nhuận” liên quan đến việc tối đa hóa hay tối thiểu hóa lợi nhuận. Trong các giai đoạn mà lợi nhuận đáng thất vọng, ban quản lý sẽ cố gắng tăng lợi nhuận được báo cáo, được gọi là tối đa hóa lợi nhuận. Ngược lại, ban quản lý sẽ tìm cách giảm lợi nhuận trong trường hợp lợi nhuận được báo cáo là cao hơn kỳ vọng.

Albrecht và cộng sự [1] chia kỹ thuật “bình ổn lợi nhuận” thành hai dạng là bình ổn lợi nhuận thực sự và bình ổn lợi nhuận giả tạo. Bình ổn lợi nhuận thực sự phát sinh khi các nhà quản lý của công ty thực hiện các hành động để sắp xếp các sự kiện kinh tế của công ty nhằm thể hiện một hình ảnh

ổn định của lợi nhuận được báo cáo. Bình ổn lợi nhuận giả tạo xảy ra khi các nhà quản lý công ty thao túng thời điểm của các khoản mục kế toán để tạo ra dòng thu nhập ổn định.

#### 3.2.2. Kỹ thuật gột rửa làm sạch bảng cân đối kế toán (Take a big bath)

Nhà quản trị sử dụng kỹ thuật này trong trường hợp một công ty tự tái cấu trúc và thực hiện việc này với mục đích là chịu những khoản tổn thất (lỗ) lớn, hay tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai là không khả quan. Trong hoàn cảnh đó, các nhà quản lý mới sẽ có xu hướng làm cho mọi việc càng tối tệ hơn, bắt đầu bằng việc tái cấu trúc công ty, tăng các khoản dự phòng đối với nợ xấu và đưa ra các quyết định khác nhằm giảm thu nhập. Những quyết định này sẽ tác động đến các khoản dồn tích có thể điều chỉnh làm giảm lợi nhuận được thực hiện sau khi doanh nghiệp có sự thay đổi về quản lý, khi đó sẽ không có khoản tiền thưởng nào được chi trả. Tiếp đến trong những năm tới khoản tiền thưởng cũng tăng có thể có xu hướng tăng theo ý đồ của nhà quản trị. Mặc dù thu nhập của doanh nghiệp có thể giảm sút, nhưng các nhà quản lý mới có thể được hưởng lợi từ việc điều chỉnh các khoản dồn tích có thể điều chỉnh làm giảm lợi nhuận theo ít nhất hai cách sau: *Thứ nhất*, các khoản thu nhập thấp được báo cáo có thể được đổ lỗi cho quản lý cũ và các cơ sở để so sánh hiệu suất doanh nghiệp trong tương lai sẽ bị giảm. *Thứ hai*, lợi nhuận trong tương lai sẽ được giảm bớt các khoản chi phí này để báo cáo theo xu hướng lợi nhuận được cải thiện. Sau đó, các khoản lợi nhuận trong tương lai sẽ được quy cho hiệu suất của quản lý mới.

#### 3.2.3. Kỹ thuật dàn xếp giao dịch về doanh thu

Nhà quản trị có thể phù phép lợi nhuận thông qua việc các nhà quản lý cố ý ghi nhận sai thời điểm phát sinh doanh thu của đơn vị. Theo Levitt [6] thì thủ thuật này bao gồm việc ghi nhận doanh thu trước khi hoạt động bán hàng hoàn tất, trước khi sản phẩm được giao cho khách hàng hoặc thực hiện các hợp đồng “hàng bán có thể trả lại” tức là doanh nghiệp thỏa thuận với khách hàng lấy hàng vào cuối năm và sang đầu năm sau trả lại với một lý do nào đó. Hoặc công bố kế hoạch tăng giá bán đầu năm sau dẫn tới doanh thu năm trước sẽ tăng vọt và làm tăng lợi nhuận của năm hiện tại, nhưng sẽ giảm vào năm sau. Các nhà quản lý sẽ cố gắng tăng thu nhập của đơn vị bằng cách thao túng việc ghi nhận doanh thu. Mặt khác, các nhà quản lý có động cơ để giảm thu nhập trong năm nếu khoản tiền thưởng không có khả năng được trả. Bằng cách giảm thu nhập trong năm nay, lợi nhuận và tiền thưởng dự kiến sẽ tăng trong những năm tới.

#### 3.2.4. Kỹ thuật giữ lại lợi nhuận (Cookie jar reserves)

Kỹ thuật “Cookie jar reserves” là một kỹ thuật kế toán nhằm giữ lại lợi nhuận trong năm công ty có thành công rực rỡ và đem phân bổ cho những năm không thành công, từ đó tạo mức tăng trưởng lợi nhuận ổn định cho doanh nghiệp. Đây được coi như là một kỹ thuật làm phẳng sự biến động trong kết quả tài chính và tạo ấn tượng giả tạo về sự ổn định. Các nhà quản lý cố gắng ghi nhận chi phí cao cho các khoản mục không chắc chắn dưới dạng ước tính

các khoản nợ và dự phòng cho một vài khoản mục như phải thu khách hàng, chi phí tài chính, chi phí bảo hành hay dự phòng tổn thất tài sản [6]. Việc các nhà quản lý sử dụng các giả định không thực tế để ước tính các khoản nợ sẽ dẫn tới việc sẽ có các khoản dự phòng không cần thiết. Khi làm vậy, các công ty sẽ là "phẳng" lợi nhuận trong khoảng thời gian công ty hoạt động hiệu quả và sẽ dùng đến nó khi cần (để hoàn nhập, đánh giá lại) trong những khoảng thời gian công ty hoạt động không có hiệu quả nhằm cải thiện tình hình tài chính ở đơn vị, dẫn tới lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ tăng lại.

### 3.2.5. Thay đổi các chính sách và ước tính kế toán của đơn vị

Thay đổi các chính sách và ước tính kế toán của đơn vị là một kỹ thuật QTLN mà thường được biết đến trong thực tế như là việc sử dụng linh hoạt các chính sách và ước tính kế toán thông qua tính trọng yếu. Tính trọng yếu là một công cụ được tạo ra bởi các nhà ban hành chuẩn mực kế toán nhằm cung cấp cho các công ty sự linh hoạt trong báo cáo tài chính. Tính trọng yếu có thể được sử dụng để xếp hạng thông tin. Levitt [6] cho rằng một số công ty đã lạm dụng khái niệm tính trọng yếu. Họ cố tình lựa chọn các mức trọng yếu cao nhất trong các lựa chọn kế toán của mình từ đó có thể thay đổi được doanh thu, chi phí cũng như lợi nhuận.

Nhà quản lý có thể thay đổi chính sách kế toán và đặc biệt là các ước tính kế toán để điều chỉnh lợi nhuận trong kỳ của doanh nghiệp. Ví thể, thông qua việc thay đổi chính sách và ước tính kế toán, nhà quản trị có thể lựa chọn các phương pháp kế toán ở nhiều khoản mục khác nhau như tác động vào doanh thu, chi phí, phương pháp khấu hao tài sản cố định, các khoản phải thu khó đòi, giá trị hàng tồn kho lỗi thời, phương pháp tính giá hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành sản phẩm, ghi nhận chi phí sửa chữa tài sản cố định... Trong phạm vi bài viết này chỉ phân tích một số chính sách và ước tính kế toán điển hình thường được sử dụng.

\* *Thay đổi các chính sách kế toán để thực hiện quản trị lợi nhuận:*

*Lựa chọn phương pháp kế toán làm ảnh hưởng đến thời điểm ghi nhận doanh thu:* Doanh nghiệp lựa chọn một (một số) phương pháp kế toán cho phép ghi nhận doanh thu sớm hơn. Chế độ kế toán Việt Nam quy định doanh nghiệp có thể có nhiều phương pháp để ghi nhận doanh thu của đơn vị, đặc biệt với các doanh nghiệp có hoạt động đặc thù (xây dựng hoặc dịch vụ). Với đặc thù về chu kỳ sản xuất, quá trình thi công hoặc thực hiện dịch vụ có thể kéo dài qua nhiều kỳ, do đó nhà quản lý dễ dàng điều chỉnh lợi nhuận thông qua việc tác động đến doanh thu của các hợp đồng xây dựng hay dịch vụ. Chẳng hạn nhà quản trị ở các doanh nghiệp xây dựng có thể ghi nhận doanh thu và chi phí theo phần trăm hoàn thành phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính. Hoặc theo phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Với hai sự lựa chọn ghi nhận doanh thu đó, nhà quản trị hoàn toàn có thể linh hoạt ghi nhận doanh thu lớn hơn hay nhỏ hơn bằng việc

thay đổi tỷ lệ hoàn thành công việc của hợp đồng xây dựng hoặc dịch vụ.

*Lựa chọn phương pháp khấu hao tài sản cố định:* Mỗi phương pháp khấu hao (đường thẳng, số dư giảm dần có điều chỉnh hay tỷ lệ) đều cho kết quả chi phí khấu hao khác nhau. Dựa vào điều này nhà quản lý có thể lựa chọn các phương pháp khấu hao tài sản cố định khác nhau để tác động đến chi phí khấu hao từ đó thay đổi lợi nhuận trong kỳ. Ví dụ nhà quản lý có thể sử dụng phương pháp khấu hao số dư giảm dần để tăng chi phí trong những năm đầu nhằm giảm lợi nhuận được trình bày trên báo cáo.

*Phương pháp tính giá hàng xuất kho:* Các phương pháp tính giá hàng xuất kho khác nhau sẽ làm cho giá vốn đơn vị sản phẩm khác nhau và tác động trực tiếp đến thông tin lợi nhuận trên báo cáo tài chính.

*Phương pháp tính giá thành sản phẩm:* Để xác định được giá thành sản phẩm, ngoài việc tập hợp chi phí cần xác định giá trị sản phẩm dở dang và tính tổng giá thành sản phẩm hoàn thành. Có nhiều phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang khác nhau, mà bản chất của đánh giá sản phẩm dở dang cũng chỉ là một ước tính kế toán. Mặt khác, tùy vào đặc điểm của quá trình sản xuất của mỗi đơn vị, nhà quản lý có thể áp dụng một hoặc nhiều phương pháp tính giá thành cho đơn vị mình như: phương pháp giản đơn; phương pháp hệ số, tỷ lệ; phương pháp tổng cộng chi phí... Vì thế những lựa chọn khác nhau về hai nội dung này dẫn đến sự khác nhau về kết quả giá thành sản phẩm từ đó tác động chỉ tiêu giá vốn và đến lợi nhuận trong kỳ.

*Ghi nhận chi phí sửa chữa tài sản cố định:* Hoạt động sửa chữa tài sản cố định ở doanh nghiệp hiện phân nhánh thành hai hoạt động cơ bản là sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn. Với sửa chữa thường xuyên mang tính định kỳ nên toàn bộ chi phí phát sinh nhỏ và thông thường hạch toán thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đó, nhà quản trị muốn thực hiện QTLN thường không tác động vào khoản mục chi phí này. Với hoạt động sửa chữa lớn tài sản cố định tùy theo mục đích sửa chữa mà có thể phân chia thành sửa chữa lớn mang tính phục hồi (quay về trạng thái sử dụng ban đầu) và sửa chữa lớn mang tính nâng cấp (tăng thêm công năng/ thời gian sử dụng của tài sản cố định). Thông thường để QTLN theo mục đích, nhà quản trị thường lựa chọn hoạt động sửa chữa mang tính phục hồi (không vốn hóa chi phí sửa chữa) hay nâng cấp tài sản cố định (bắt buộc phải vốn hóa chi phí sửa chữa). Trong mỗi loại sửa chữa lớn, nhà quản lý còn có thể lựa chọn số kỳ phân bổ chi phí còn lại và việc có trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định hay không. Từ đó điều chỉnh được chi phí khấu hao các kỳ còn lại và ảnh hưởng đến lợi nhuận được báo cáo.

+ *Lựa chọn các khoản ước tính để thực hiện quản trị lợi nhuận*

*Các khoản phải thu khó đòi, giá trị hàng lỗi thời tồn kho:* Nhà quản lý được phép quyết định cách thức xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi hay đánh giá lại giá trị các hàng hóa lỗi thời còn tồn kho. Những ước tính kế toán này ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí trong kỳ từ đó tác động đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Lựa chọn chính sách dự phòng với các khoản chứng khoán và đầu tư: Nhà quản trị hoàn toàn có thể lựa chọn thời điểm và mức dự phòng cần lập của các khoản mục này, thời điểm hoàn nhập để tác động lợi nhuận trong kỳ báo cáo.

#### 4. KẾT LUẬN

Trước sự hấp dẫn của những lợi ích ngắn hạn, các doanh nghiệp thường có xu hướng điều chỉnh lợi nhuận lệch so với thực tế, điều này gây khó khăn cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán trong việc ra quyết định. Đặc biệt, trong sự phát triển của thị trường chứng khoán, để thu hút các nhà đầu tư, các DN thường dùng các kỹ thuật để điều chỉnh lợi nhuận, biến lỗ thành lãi, lãi ít thành lãi nhiều. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam và những áp lực cạnh tranh, áp lực của nền kinh tế với các doanh nghiệp niêm yết, buộc các nhà quản trị phải sử dụng QLLN để đảm bảo mục tiêu hoạt động và khuyến khích giá trị doanh nghiệp. Bài báo này trên cơ sở tổng hợp nhiều nghiên cứu tiền đề đã trình bày một cách tổng quát các động cơ, kỹ thuật mà nhà quản trị vận dụng để thực hiện QTLN. Từ những nhận diện đó, gợi mở các nghiên cứu chuyên sâu về nhận diện và đo lường các nhân tố ảnh hưởng của QTLN tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, với các thông tin về lợi nhuận, tính trung thực của thông tin kế toán... trên báo cáo tài chính. Ngoài ra, có thể hướng tới các nghiên cứu về kỹ thuật kế toán sử dụng để thực hiện quản trị lợi nhuận chống lỗ/giảm lãi đối với các doanh nghiệp niêm yết cũng là một vấn đề có thể tìm hiểu dựa trên góc độ nhận diện kỹ thuật kế toán sử dụng để thực hiện QTLN.

[9]. Stlowy H., Breton G., 2004. *Accounts Manipulation: A Literature Review and Proposed Conceptual Framework*. Review of Accounting & Finance, 3(1), 5-66.

[10]. Ronen J., Yaari V., 2008. *Earning management Emerging insights in theory, practices and research*. Springer. 20. Schipper K, P, 1989. Commentary on Earnings Management, Accounting Horizons, 3, 91-102.

[11]. Watts R. L., Zimmerman J. L., 1990. *Positive accounting theory: a ten year perspective*. Accounting review, 131-156.

---

#### AUTHORS INFORMATION

**Dao Thi Nhung, Pham Thu Huyen**

Hanoi University of Industry, Vietnam

---

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Albrecht W., Romney M. B., Cherrington D., Payne I., Roe A., Romney M., 1986. *Red-flagging management fraud: A validation*. Advances in Accounting, 3, pp. 323-333

[2]. Dechow P. M., Skinner D. J., 2000. *Earnings management: Reconciling the views of accounting academics, practitioners, and regulators*. Accounting Horizons, 14(2), 235-250.

[3]. Dechow P. M., Sloan R. G., Sweeney A. P., 1995. *Detecting earnings management*. Accounting review, 193-225.

[4]. Healy P. M., Wahlen J. M., 1999. *A review of the earnings management literature and its implications for standard setting*. Accounting Horizons, 13(4), 365-383.

[5]. Healy P. M., Wahlen J. M., 1999. *A review of the earnings management literature and its implications for standard setting*. Accounting Horizons, 13(4), 365-383.

[6]. Levitt Jr A., 1998. *The numbers game*. The CPA Journal, 68(12), 14.

[7]. Leuz C., Nanda D., Wysocki P., 2003. *Earnings management and investor protection: an international comparison*. Journal of financial Economics, Vol. 69, pp. 505-27.

[8]. Subramanyam K.R., 1996. *Uncertain Precision and Price Reactions to Information*. The Accounting Review, 71, 207-220.